

PHẬT NÓI KINH ĐIỀU TRỊ BỆNH TRĨ

Hán dịch: Đồi Đường-Tam Tạng NGHĨA TỊNH phụng chế dịch
Phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Như vậy tôi nghe. Một thời Đức **Bạc Già Phạm** (Bhagavan: Thế Tôn) ngự trong vườn Trúc Lâm tại đại thành Vương Xá cùng với chúng Đại Bất Sô gồm năm trăm người đến dự.

Thời có Chúng, phần lớn các vị **Bất Sô** (Bhikṣu:Tỳ Khuru) thân bị bệnh Trĩ (nhọt lở loét), hình thể gây ôm, khổ đau vây buộc, ở trong ngày đêm chịu nhiều ưu não (buồn rầu, buồn bực)

Lúc đó, Cụ Thọ **A Nan Đà** (Ānanda) nhìn thấy việc ấy liền đi đến nơi Đức Thế Tôn ngự, đảnh lễ hai chân của Ngài rồi đứng sang một bên và bạch rằng

“*Thế Tôn ! Nay thành Vương Xá phần lớn có các vị Bất Sô, thân bị bệnh Trĩ, hình thể gây ôm, khổ đau vây buộc, ở trong ngày đêm chịu nhiều ưu não.*

Thế Tôn! Làm thế nào mới có thể chữa trị được các bệnh Trĩ này?”

Đức Phật bảo A Nan Đà: “Ông có thể nghe Kinh **điều trị bệnh Trĩ**(Liệu Trĩ Bệnh) này, đọc tụng thọ trì, buộc tâm chẳng quên. Cũng đối với người khác rộng vì họ tuyên nói thì các bệnh Trĩ này thấy được trừ khỏi.

Ấy là: Phong Trĩ (nhọt lở loét do gió), Nhiệt Trĩ (nhọt lở loét do nóng), Âm Trĩ, Tam Hợp Trĩ, Huyết Trĩ (nhọt lở loét do máu), Phúc Trung Trĩ (nhọt lở loét trong bụng), Tỳ Nội Trĩ (nhọt lở loét trong bao tử), Xi Trĩ (nhọt lở loét ở răng),Thiệt Trĩ (nhọt lở loét ở lưỡi), Nhãn Trĩ (nhọt lở loét ở mắt), Nhĩ Trĩ (nhọt lở loét ở tai), Đỉnh Trĩ (nhọt lở loét ở đỉnh đầu), Thủ Túc Trĩ (nhọt lở loét ở tay chân), Tích Bối Trĩ (nhọt lở loét tụ ở lưng), Thi Trĩ, các nhọt lở loét sanh ra từ chi tiết toàn thân

Trĩ Lũ (nhọt lở loét chảy nước vàng) như vậy thấy đều khô ráo, roi rụng, tiêu diệt đều khỏi. Đều nên tụng trì Thần Chú như vậy

Liền nói Chú là:

“Đạt diệt tha: Yết lại mẽ, thất lợi, thất lợi, ma yết thất chí, tam ma yểu đô, sa ha”

ॐ ह्रिं उं स ह्रं व्रह्मं म् श्रीं श्रीं म् क ष्ट्रं सं न व सु सु न

TADYATHĀ: OM SARVA GRATHITA ME ŚRĪ ŚRĪ MĀ KAṢṬI SAMBHAVATU SVĀHĀ

Chú này (**Đan Tạng** ghi là)

“Đạt diệt tha: Át lan đế, át lam mê, thất lợi tỳ, thất lý, thất lý, ma yết thất chất, tam bà bạt đô, sa ha”

ॐ ह्रिं उं स ह्रं व्रह्मं म् श्रीं श्रीं म् क ष्ट्रं सं न व सु सु न

TADYATHĀ: OM SARVA GRATHITA ME ŚRĪBHYAḤ ŚRĪ ŚRĪ MĀ KAṢṬI SAMBHAVATU SVĀHĀ

Này A Nan Đà! Ở phương Bắc có núi tuyết lớn (Đại Tuyết Sơn Vương). Trong đó có cây Sa La tên là **Nan Thắng**, có ba loại hoa, một là mới sanh, hai là tròn trịa, ba là khô héo. Giống như hoa ấy, khi khô héo thì rụng xuống. Các bệnh Trĩ của ta cũng như vậy. Đừng để cho máu lại chảy ra, đừng để cho mủ tuôn chảy ắt vĩnh viễn trừ hết sự đau khổ thấy đều khô ráo

Lại nữa, nếu thường tụng Kinh này sẽ đắc được **Túc Trụ Trí**, có thể nhớ lại việc của bảy đời, Chú Pháp thành tựu, Sa Ha”

__Lại nói Chú là:

“**Đạt điệt tha: Chiêm mẽ, chiêm mẽ, xả chiêm mẽ, chiêm một nễ xả chiêm nê, sa ha**”

ॐ त्र्यम्बह्यम् नमो भगवते वासुदेवाय

TADYATHĀ: ŚAME ŚAME SASAME ŚAMANĪSĀ JAḌI SVĀHĀ

__Đức Phật nói Kinh này xong thời Cụ Thọ A Nan Đà với các Đại Chúng đều rất vui vẻ, tin nhận phụng hành

PHẬT NÓI KINH ĐIỀU TRỊ BỆNH TRĨ

__Hết__

08/03/2007